|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**  ——— | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ————————————  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT**

**Phục vụ xây dựng chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM)**

Triển khai nhiệm vụ liên quan đến xây dựng chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên (HSSV) học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) tại Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các Bộ, ngành liên quan tổ chức Đoàn khảo sát làm việc với một số trường đại học hàng đầu về đào tạo các ngành STEM tại TP. Hà Nội (ngày 13/3/2025) và TP. Hồ Chí Minh (ngày 14/3/2025) để phục vụ nghiên cứu, xây dựng chính sách tín dụng đối với HSSV học các ngành STEM.

Tại TP. Hà Nội, Đoàn khảo sát đã làm việc, trao đổi với các trường: (i) Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, (ii) Đại học Bách khoa Hà Nội, (iii) Trường Đại học VinUni.

Tại TP. Hồ Chí Minh, Đoàn khảo sát đã làm việc, trao đổi với các trường: (i) Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, (ii) Trường Đại học Khoa học tự nhiên – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, (iii) Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh.

Đoàn khảo sát báo cáo kết quả khảo sát như sau:

**I. THÔNG TIN, DỮ LIỆU KHẢO SÁT TỪ CÁC TRƯỜNG**

**1. Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông**

***1.1. Về ngành học STEM***

Trường đang đào tạo các ngành học STEM cụ thể về: Khoa học máy tính (Khoa học dữ liệu); Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (Kỹ thuật dữ liệu); Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ thông tin (CNTT, CNTT\_CLC, CNTT\_UDU, CNTT Việt Nhật); An toàn thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện điện tử, Chương trình Thiết kế vi mạch); Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật điện tử viễn thông; Công nghệ đa phương tiện (Công nghệ đa phương tiện, Thiết kế và phát triển game), cụ thể:

| **TT** | **Tên ngành/chương trình** | **Mã ngành/CT** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Kỹ thuật điện tử viễn thông | 7520207 |
| 2 | Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa | 7520216 |
| 3 | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 7510301 |
| 4 | Công nghệ thông tin | 7480201 |
| 5 | An toàn thông tin | 7480202 |
| 6 | Khoa học máy tính (định hướng Khoa học dữ liệu) | 7480101 |
| 7 | Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (Kỹ thuật dữ liệu) | 7480102 |
| 8 | Công nghệ đa phương tiện | 7329001 |

***1.2. Về đối tượng theo học ngành STEM***

a) Trường cung cấp bảng quy mô sinh viên hệ chính quy theo nhóm ngành công nghệ - kỹ thuật (tính tới thời điểm 31/12/2024):

| **TT** | **Tên ngành** | **Quy mô sinh viên (31/12/2024)** |
| --- | --- | --- |
|
| 1 | Công nghệ thông tin | 2858 |
| 2 | An toàn thông tin | 1025 |
| 3 | Cử nhân CNTT định hướng ứng dụng | 460 |
| 4 | Công nghệ thông tin Chất lượng cao | 377 |
| 5 | Công nghệ thông tin Việt Nhật | 112 |
| 6 | Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa | 147 |
| 7 | Mạng Máy tính và Truyền thông Dữ liệu | 186 |
| 8 | Điện tử viễn thông | 1695 |
| 9 | KT Điện-Điện tử | 1016 |
| 10 | Khoa học Máy tính | 391 |
| 11 | Công nghệ Đa phương tiện | 897 |
|  | **Tổng cộng ĐH** | **9164** |

b) Điều kiện tuyển sinh đối với các ngành STEM của trường:

- Phương thức 1: Xét tuyển tài năng gồm có:

(1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: đối với các thí sinh là thành viên đội tuyển Olympic quốc tế hoặc đoạt giải Quốc gia, Quốc tế theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

(2) Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực: đối với các thí sinh có Thành tích đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp quốc gia (giải Khuyến khích), cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW (Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích), thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển *hoặc* là học sinh tại các trường THPT chuyên*.*

- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT.

- Phương thức 3: Xét tuyển kết hợp. Xét tuyển kết hợp giữa một trong các loại Chứng chỉ quốc tế (Chứng chỉ SAT/ACT) *hoặc* Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (Chứng chỉ IELTS, TOEFL) *với* kết quả học tập ở bậc.

- Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả trong các kỳ thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của các đơn vị: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh và Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức*.*

c) Theo đánh giá của trường, chính sách ưu đãi cần đồng bộ: cơ sở vật chất cho học tập và nghiên cứu; học bổng và các khoản hỗ trợ học tập, học liệu, nhưng quan trọng là Nhà nước cần có chính sách, nhà trường và doanh nghiệp tăng cường hợp tác để sinh viên được trang bị các kiến thức có thể đáp ứng ngay yêu cầu công việc sau khi ra trường và được tuyển dụng (có việc làm và có mức thu nhập cao) ngay sau khi tốt nghiệp.

d) Thời gian trung bình để sinh viên ngành STEM có thể tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp là khoảng 3 - 6 tháng.

đ) Sinh viên ngành STEM khi ra trường có mức thu nhập khởi điểm trung bình là khoảng 8 -15 triệu/tháng tùy theo trình độ và kinh nghiệm sinh viên tích lũy được khi đang học tại nhà trường.

***1.3. Về học phí***

- Mức học phí trung bình/năm của các ngành STEM tại trường là: 33 triệu/năm.

- Ngành STEM có học phí cao nhất tại trường là: 55 triệu/năm (các chương trình chất lượng cao).

- Mức học bổng khuyến khích học tập cao nhất của sinh viên Học viện vào khoảng 24 triệu đồng/học kỳ. Học viện thực hiện chung chế độ học bổng cho sinh viên tất cả các ngành, bao gồm các loại học bổng:

+ Học bổng khuyến khích học tập: mức học bổng từ 100% - 120% mức học phí thực tế theo số tín chỉ sinh viên đăng ký học trong kỳ học;

+ Miễn giảm học phí cho sinh viên được hưởng chính sách nhà nước: ngoài học phí được miễn giảm theo quy định của Nhà nước, phần chênh lệch giữa học phí của Nhà nước quy định cho các trường chưa tự chủ và học phí của Học viện (đã tự chủ tài chính) được Học viện cấp bù cho người học

+ Học bổng sinh viên tài năng: các sinh viên được giải Ba trở lên các cuộc thi Quốc gia, Quốc tế được Học viện cấp học bổng từ 30% - 100% học phí (áp dụng từ năm học 2024 - 2025)

+ Học bổng đầu vào: tân sinh viên có kết quả cao khi xét tuyển đầu vào Đại học chính quy được Học viện cấp học bổng từ 50% - 100% học phí năm đầu, 100% học phí cho toàn khóa học và 500 triệu đồng cho toàn khóa học cùng với sinh hoạt phí, miễn phí ở KTX, tham gia chương trình trao đổi sinh viên quốc tế;

+ Học bổng dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn: Học viện cấp học bổng cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, không thuộc đối tượng chính sách xã hội và có nỗ lực vươn lên trong học tập.

***1.4. Về sinh hoạt phí***

- Chi phí sinh hoạt trung bình hàng tháng của sinh viên tại khu vực trường khoảng 4 triệu đồng/tháng. Với gói học bổng đầu vào 500 triệu cho tân sinh viên hiện nay, Học viện cấp sinh hoạt phí cho sinh viên là 3,6 triệu/tháng và miễn phí ở KTX.

- Sinh viên chi trả các chi phí sinh hoạt hàng tháng chủ yếu từ trợ cấp từ gia đình, đi làm thêm.

- Trường hợp sinh viên sống trong kí túc xá thì mức phí lưu trú ký túc xá hiện nay của Học viện là: 200.000 đồng/tháng - 1.800.000 đồng/tháng tùy theo số người/phòng đã bao gồm tiền điện cơ bản.

***1.5. Kiến nghị liên quan đến chính sách tín dụng đối với HSSV học các ngành STEM***

Trường có ý kiến đề nghị mức vốn cho vay nên căn cứ theo mức học phí phải đóng của HSSV cộng thêm một khoản tiền sinh hoạt phí. Đối với lãi suất, trường kiến nghị nên xem xét giảm lãi suất cho HSSV.

**2. Đại học Bách khoa Hà Nội**

***2.1. Về ngành học STEM***

- Trường đang đào tạo 54 mã ngành STEM.

- 04 định hướng KHCN trường đang ưu tiên phát triển, đào tạo giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng 2030 gồm:

(1) Công nghệ dữ liệu và hệ thống thông minh

(2) Năng lượng và môi trường bền vững

(3) Vật liệu mới

(4) Khoa học và Công nghệ sức khỏe

***2.2. Về đối tượng theo học ngành STEM***

a) Về số lượng sinh viên theo học các ngành STEM: Giai đoạn 2019-2024, mỗi năm trường tuyển 6500 – 8000 sinh viên. Dự kiến 2025 tuyển 9680 trong đó khoảng 8000 sinh viên khối KT-CN

b) Các phương thức xét tuyển

(1) Xét tuyển tài năng: Gồm các phương thức sau:

- Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025, đạt thành tích cao trong kỳ thi học sinh giỏi (HSG), cuộc thi Khoa học kỹ thuật (KHKT) do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

- Xét tuyển theo chứng chỉ Quốc tế: Thí sinh có điểm trung bình chung (TBC) học tập từng năm học lớp 10, 11, 12 đạt 8.0 trở lên; Có ít nhất 1 trong các chứng chỉ Quốc tế sau: SAT, ACT...

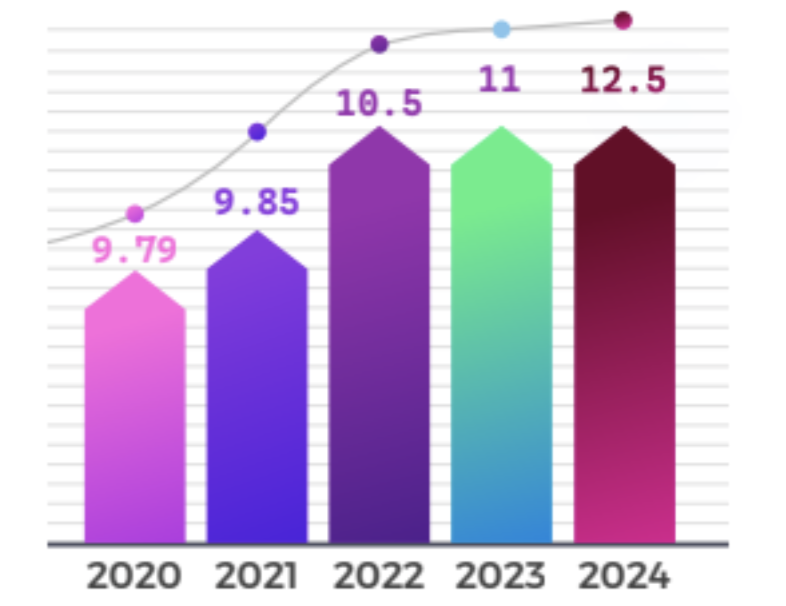
- Xét tuyển theo Hồ sơ năng lực kết hợp phỏng vấn: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025, có điểm TBC học tập các môn có điểm số từng năm học lớp 10, 11 và lớp 12 đạt 8.0 trở lên và đáp ứng một số các điều kiện tài năng khác.

(2) Xét tuyển theo điểm thi Đánh giá tư duy (TSA):

- Đối tượng xét tuyển: Thí sinh tham dự kỳ thi Đánh giá tư duy (ĐGTD) do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức;

- Điều kiện dự tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, đạt ngưỡng điểm TSA do ĐHBK Hà Nội quy định (thông báo sau).

(3) Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2025.

c) 94% sinh viên ngành STEM có việc làm hoặc đi học tiếp ngay sau khi tốt nghiệp. Mức thu nhập trung bình như sau:

*Thu nhập trung bình (triệu VNĐ/tháng)*

***2.3. Về học phí***

- Mức học phí trung bình/năm của các ngành STEM tại trường:

+ Chương trình chuẩn: 24-30 triệu đồng/năm

+ Các chương trình ELITECH: 33 đến 42 triệu đồng/năm

+ Chương trình KH dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo (IT-E10): 67 triệu đồng/năm

- Chính sách học bổng hoặc hỗ trợ tài chính cho sinh viên ngành STEM:

+ Học bổng khuyến khích học tập (KKHT):được xét theo Khoá, Ngành đào tạo và theo thứ tự ưu tiên lần lượt từ loại A 150% học phí (GPA >= 3,6, ĐRL >=90), loại B 120% học phí (GPA >= 3,2, ĐRL >=80), đến loại C 100% học phí (GPA >= 2,5, ĐRL >=65), từ GPA cao xuống GPA thấp (cho đến khi hết quỹ học bổng). Trung bình hàng năm có khoảng 3000 lượt sinh viên được nhận học bổng này.

+ Học bổng Trần Đại Nghĩa: xét cấp cho sinh viên có hoàn cảnh kinh tế gia đình đặc biệt khó khăn (hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn khác, sinh viên gặp tai nạn, rủi ro đột xuất) có kết quả học tập và rèn luyện tốt (CPA >= 2,0, ĐRL >=65). Mức học bổng 50% hoặc 100% học phí. Trung bình hàng năm có khoảng 200 lượt sinh viên được nhận học bổng này.

+ Học bổng tài trợ: do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ cho sinh viên. Trung bình hàng năm khoảng 500 lượt sinh viên được nhận học bổng này.

+ Học bổng trao đổi: Từ năm 2024 ĐHBK Hà Nội bắt đầu triển khai chương trình cấp học bổng cho sinh viên sang học tập, thực tập ngắn hạn tại các trường đối tác nước ngoài. Kinh phí học bổng dành cho năm 2024 là 5 tỷ đồng. Ngoài nguồn học bổng do Đại học cấp, mỗi năm sinh viên ĐHBK Hà Nội còn nhận được hàng trăm suất học bổng tài trợ cho sinh viên sang học tập, thực tập tại nước ngoài từ các nguồn hợp tác quốc tế song phương và đa phương của ĐHBK Hà Nội

+ Học bổng gắn kết quê hương: Từ năm 2024 ĐHBK Hà Nội sẽ dành 2 tỷ đồng để cấp Học bổng gắn kết quê hương cho sinh viên, học viên chương trình kỹ sư chuyên sâu đặc thù có đồ án/khóa luận tốt nghiệp (ĐANT) góp phần cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh doanh, sản xuất hoặc chất lượng các dịch vụ an sinh xã hội tại quê hương của sinh viên/học viên.

***2.4. Về sinh hoạt phí***

- Chi phí sinh hoạt trung bình hàng tháng của sinh viên tại khu vực trường khoảng 3 - 5tr/tháng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoản cần chi** | **Mức chi (triệu/năm)** |
| 1 | Học phí | 30 - 60 |
| 2 | BHYT, bảo hiểm thân thể, Đoàn/Hội phí | 2 - 2,5 |
| 3 | Thuê nhà | 18 - 30 |
| 4 | Ăn uống | 21 - 30 |
| 5 | Đi lại (xe buýt hoặc đi xe máy+gửi xe) | 2 - 5 |
| 6 | Tài liệu, sách bút | 1 - 3 |
| 7 | Chi vặt và phát sinh khác (đi chơi, bạn bè...) | 5 - 10 |
| **Tổng chi phí khoảng** | | **80 - 140** |

- Sinh viên chi trả các chi phí sinh hoạt hàng tháng chủ yếu từ bố mẹ, đi làm thêm, vay vốn.

- Hiện nay trường có 4000 chỗ ở KTX, trung bình 500k/tháng.

***2.5. Kiến nghị liên quan đến chính sách tín dụng đối với HSSV học các ngành STEM***

- Trường có ý kiến cho rằng định mức vay đối với chương trình tín dụng HSSV có hoàn cảnh khó khăn hiện nay đang cào bằng là chưa phù hợp, do nhu cầu vay vốn của HSSV là khác nhau, từ mức học phí đến mức sinh hoạt phí. Do đó, trường kiến nghị xem xét quy định mức vốn cho phù hợp, nếu được thì căn theo học phí phải đóng của HSSV. Nếu được thì có thể gắn chính sách cho vay người học với các tiêu chí đánh giá/xếp hạng/phân tầng của cơ sở đào tạo.

- Trường đề nghị giảm lãi suất vay xuống khoảng 3-4%/năm.

**3. Trường Đại học VinUni**

***3.1. Về ngành học STEM***

Trường có các chương trình đào tạo ngành STEM như sau:

- Cử nhân kỹ thuật cơ khí gồm các chuyên ngành: Cơ điện tử, Kỹ thuật ô tô, Hệ thống và sản xuất, Năng lượng và sự bền vững.

- Cử nhân kỹ thuật điện gồm các chuyên ngành: Kỹ thuật máy tính, Truyền thông và xử lý tín hiệu, Điều kiển và tự động hóa, Điện và năng lượng sạch.

- Cử nhân khoa học máy tính gồm các chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo, Phân tích dữ liệu, An ninh mạng.

- Cử nhân khoa học dữ liệu gồm các chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo, Truyền thông, Marketing, Phân tích kinh doanh, Nền tảng kinh doanh, Tài chính, Quản lý dịch vụ sức khỏe.

Các ngành đào tạo STEM của trường đều được xây dựng theo quy định chung của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

***3.2. Về đối tượng học ngành STEM***

- Trường có phương thức tuyển sinh riêng, nhằm tuyển chọn những học sinh có năng lực toàn diện trên tất cả các khía cạnh về học tập, khả năng tư duy, tính trách nhiệm và đam mê cống hiến.

- Trường không chủ trương tuyển sinh mở rộng mà tập trung vào chất lượng đầu vào của sinh viên nhiều hơn.

***3.3. Về học phí***

Trường Đại học VinUni là trường tư theo định hướng đại học quốc tế nên có học phí cao, học phí niêm yết khoảng 800 triệu đồng/năm, tuy nhiên thông qua nhiều hình thức học bổng, hỗ trợ tài chính... thì thông thường học phí HSSV phải trả là khoảng 200-300 triệu đồng/năm.

***3.4. Về sinh hoạt phí***

Qua khảo sát của trường thì trường hợp sinh viên thuê căn hộ ở chung trong nội khu Vinhomes Ocean Park thì chi phí ăn, ở của sinh viên khoảng 6 triệu đồng/tháng.

***3.5. Về kiến nghị liên quan đến chính sách tín dụng đối với HSSV học các ngành STEM***

- Trường Đại học VinUni có ý kiến mặc dù mức học phí cao nhưng cũng có nhu cầu HSSV muốn vay vốn để chi trả chi phí học tập nếu có chương trình tín dụng ưu đãi; lý do vì trường có môi trường quốc tế và khả năng tiếp cận việc làm tại tập đoàn quốc tế với mức lương cao, nên vẫn có nhiều HSSV sẵn sàng vay vốn để hỗ trợ tài chính cho quá trình học tập. Do đó, nếu có chương trình cho vay HSSV ngành STEM thì sinh viên của trường cũng có nhu cầu vay vốn.

- Trường có ý kiến nếu được thì mức cho vay đáp ứng được nhu cầu học phí của sinh viên sau khi đã trừ đi các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính của trường (khoảng 200-300 triệu đồng/năm). Trường không có ý kiến đối với mức lãi suất tại chương trình tín dụng cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn hiện nay.

**4. Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh**

***4.1. Về ngành học STEM***

A table with numbers and text

AI-generated content may be incorrect.Trường cung cấp các ngành học STEM trường đang đào tạo như sau:

***4.2. Về đối tượng theo học ngành STEM***

- Về số lượng sinh viên theo học các ngành STEM tại trường: Tại bảng số liệu nêu trên.

- Trường tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm các hình thức chủ yếu: Xét tuyển tài năng; Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT; Xét tuyển dựa vào kết quả trong các kỳ thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của các đơn vị khác…

- Trường có ý kiến để thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các ngành STEM, cần ưu tiên hỗ trợ các nhóm sinh viên đặc thù, bao gồm:

+ Sinh viên nữ: Trong các ngành STEM, đặc biệt là kỹ thuật và công nghệ, tỷ lệ nữ sinh viên còn thấp do định kiến giới và thiếu cơ hội phát triển. Việc hỗ trợ sinh viên nữ giúp phá vỡ rào cản giới, tạo môi trường bình đẳng và thu hút nhiều tài năng nữ tham gia vào lĩnh vực này.

+ Sinh viên có hoàn cảnh kinh tế khó khăn: Tài chính là một rào cản lớn khiến nhiều sinh viên không thể theo đuổi đam mê trong các ngành STEM. Việc hỗ trợ tài chính giúp đảm bảo cơ hội học tập công bằng và khai thác tiềm năng của những sinh viên có năng lực nhưng thiếu điều kiện kinh tế. Ngoài ra, Sinh viên ở vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin, cơ sở hạ tầng giáo dục và các cơ hội phát triển. Hỗ trợ đặc biệt giúp họ vượt qua rào cản địa lý, văn hóa và kinh tế, đồng thời góp phần phát triển nguồn nhân lực STEM đa dạng và bền vững.

+ Sinh viên có năng khiếu và đam mê nghiên cứu khoa học: Đây là nhóm sinh viên có tiềm năng sáng tạo và đổi mới cao, là nguồn lực quan trọng trong việc phát triển công nghệ và giải quyết các thách thức toàn cầu. Việc đầu tư vào nhóm này giúp thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học và tăng cường vị thế của Việt Nam trong lĩnh vực STEM trên trường quốc tế.

- Việc triển khai một chương trình ưu đãi dành cho các ngành STEM không chỉ góp phần thu hút sinh viên mà còn thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước. Để tăng cường hiệu quả, cần có những chính sách hỗ trợ mạnh mẽ như hỗ trợ học phí, học bổng, hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và sinh viên nữ theo học các ngành kỹ thuật. Đồng thời, cần đầu tư vào cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại phục vụ nghiên cứu và thực hành, cũng như tạo điều kiện hợp tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp công nghệ cao. Ngoài ra, việc tổ chức các chương trình hướng nghiệp, tập huấn STEM cho giáo viên và học sinh THPT cũng giúp nâng cao nhận thức và khơi dậy đam mê khoa học, công nghệ từ sớm. Những chính sách này không chỉ giảm bớt rào cản kinh tế và tâm lý mà còn tạo động lực mạnh mẽ để sinh viên lựa chọn và gắn bó lâu dài với các ngành STEM.

- Thời gian trung bình để sinh viên ngành STEM tìm được việc làm thường trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp. Tại HCMUTE, sinh viên được trang bị kiến thức chuyên môn vững vàng và kỹ năng thực hành thông qua các chương trình đào tạo thực tiễn, dự án nghiên cứu và hợp tác với doanh nghiệp. Đặc biệt, Các khoa và Phòng Quan hệ Doanh nghiệp của trường đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối sinh viên với các cơ hội thực tập và việc làm, giúp tăng tỷ lệ có việc làm ngay sau khi ra trường. Bên cạnh đó, TP.HCM là trung tâm kinh tế, công nghệ và công nghiệp lớn của cả nước, thu hút nhiều doanh nghiệp trong các lĩnh vực STEM. Môi trường năng động và đa dạng tại đây mang đến nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp, từ các công ty khởi nghiệp công nghệ, tập đoàn lớn cho đến các dự án nghiên cứu phát triển. Nhờ vào lợi thế này, sinh viên HCMUTE có điều kiện tiếp cận thị trường lao động sớm, phát triển kỹ năng thực tế và nhanh chóng ổn định công việc sau khi ra trường.

- Sinh viên ngành STEM khi ra trường có mức thu nhập khởi điểm trung bình hiện tại dao động 9tr đến 15 triệu và có chiều hướng tăng nhanh tùy vào trình độ và khả năng của sinh viên, đặc biệt là SV vốn ngoại ngữ tốt.

***4.3. Về học phí***

**-** Mức học phí trung bình/năm học của các ngành STEM tại trường năm học 2024-2025 khóa tuyển sinh năm 2023 và 2024 đối với Chương trình đài trà là 33.533.000 đồng/năm, Chương trình đào tạo bằng tiếng Anh là 58.000.000 đồng/năm, Chương trình Việt – Nhật là 49.000.000 đồng/năm. Học phí trung bình các khóa tuyển sinh từ 2022 trở về trước là 30.100.000 đồng/năm.

- Trong đó ngành STEM có mức học phí cao nhất là Kiến trúc và Kiến trúc nội thất với mức học phí năm học 2024-2025 chương trình đại trà là 36.000.000đ/năm.

- Số liệu học phí trung bình 05 năm gần đây:

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Học phí 2020-2021** | **Học phí 2021-2022** | **Học phí 2022-2023** | **Học phí 2023-2024** | **Học phí 2024-2025** |
| Chương trình đại trà | 19.500.000 | 19.500.000 | 19.500.000 | 30.750.000 | 33.533.000 |
| Chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh | 32.000.000 | 32.000.000 | 35.000.000 | 52.200.000 | 58.000.000 |
| Chương trình đào tạo Việt - Nhật | 32.000.000 | 32.000.000 | 34.000.000 | 46.400.000 | 49.000.000 |
| **Mức trung bình** | **27.833.000** | **27.833.000** | **29.500.000** | **43.117.000** | **46.844.000** |

- Học phí năm học 2021-2022 giữ nguyên so với học phí năm học 2020-2021 và giảm thêm 3% do Nhà trường chia sẻ khó khăn với phụ huynh và sinh viên theo Công văn số 3277/BGDĐT-KHTC ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện chia sẻ khó khăn, hỗ trợ học sinh, sinh viên và phụ huynh trong tình hình dịch bệnh Covid-19. Năm học 2022-2023, chương trình đại trà tiếp tục được giữ nguyên mức hoc phí của năm trước theo Công văn số 165/NQ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chỉnh phủ về học phí của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023.

- Từ năm học 2023-2024 Nhà trường xây dựng Định mức Kinh tế - kỹ thuật căn cứ theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và NĐ 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 quy định về cơ chế thu và quản lý học phí, và Quyết định 465/QĐ-BGDĐT ngày 31/01/2024 của Bô GD&ĐT về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025, theo đó Trường được giao quyền tự chủ tài chính Nhóm I (Chi thường xuyên và đầu tư).

- Từ năm 2024, Dự kiến mức tăng học phí không quá 12,5% so với năm liền kề.

- Học phí của Nhà trường được chia theo các nhóm chương trình căn cứ từ định mức kinh tế kỹ thuật và không có các khoản thu khác.

- Hằng năm, trường dành 8% nguồn thu để lập Quỹ hỗ trợ người học HCMUTE (60 tỷ đồng/năm, trung bình 5 năm gần đây), Ngoài ra tiếp nhận hằng năm trung bình gần 20 tỷ tài trợ tiền mặt từ các doanh nghiệp/Cựu SV; hàng trăm tỷ đồng tài trợ dự án, phòng thí nghiệm, trang thiết bị hỗ trợ học tập. Dù nhà trường và xã hội đã cố gắng hỗ trợ, tuy nhiên với mặt bằng chung sinh viên theo học khối ngành STEM đa số là SV có sự đam mê công nghệ, sinh viên khu vực miền trung, tây nguyên còn nhiều khó khăn, nhà trường không thể đáp ứng đủ hết cho sinh viên; Dự tính chỉ đáp ứng hỗ trợ được 60-70% sinh viên có nhu cầu.

***4.4. Về sinh hoạt phí***

- Mức sinh hoạt phí tại khu vực ngoại thành TP. HCM ước khoảng 3-4 triệu đồng/tháng do bố mẹ người học lo cho con em mình. Một số ít sinh viên có làm thêm.

- Hiện tại Trường có 02 cơ sở KTX nội trú cho sinh viên với 2.300 chỗ. So với quy nô sinh viên hiện tại mới chỉ đáp ứng khoảng 8%. Trường có kế hoạch chuẩn bị đầu tư xây mới khu KTX đáp ứng thêm khoảng 1.200 chỗ; Cộng với KTX ĐH QG TP. HCM và nhà ở bên ngoài trường đáp ứng 100%. Sinh viên ở nội trú KTX không làm giảm đáng kể sinh hoạt phí so với thuê nhà trọ.

***4.5. Kiến nghị liên quan đến chính sách tín dụng đối với HSSV học các ngành STEM***

- Việc áp dụng chính sách tín dụng ưu đãi riêng đối với sinh viên theo học các ngành STEM là rất cần thiết và mang lại nhiều lợi ích. Chính sách này giúp giảm bớt gánh nặng tài chính, đặc biệt là chi phí học phí và chi phí sinh hoạt, tạo điều kiện để sinh viên tập trung vào việc học và nghiên cứu. Việc hỗ trợ tài chính với lãi suất thấp, thời gian trả nợ dài giúp thu hút nhiều học sinh, sinh viên lựa chọn các ngành STEM, đặc biệt là những sinh viên có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng đam mê khoa học và công nghệ.

- Tiêu chí xác định đối tượng được vay: Mở rộng đối tượng thay vì hiện nay chỉ có sinh viên khó khăn mới được vay mà nên mở rộng là sinh viên ngành STEM có học lực và rèn luyện từ Khá trở lên được hỗ trợ vay.

- Mức vay hợp lý: Đề nghị mức vốn cho vay nên căn cứ theo mức học phí phải đóng của HSSV cộng thêm một khoản tiền sinh hoạt phí.

- Đối với lãi suất, trường kiến nghị nên xem xét giảm lãi suất cho HSSV.

**5. Trường Đại học Khoa học tự nhiên – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh**

***5.1. Về ngành học STEM***

- Trường ĐH Khoa học tự nhiên, ĐHQG Tp.HCM đang đào tạo những ngành sau: Sinh học, Công nghệ sinh học, Vật lý học, Công nghệ vật lý điện tử và tin học, Công nghệ bán dẫn, Hoá học, Khoa học vật liệu, Địa chất học, Hải dương học, Khoa học môi trường, Toán học, Toán ứng dụng , Toán tin, Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Khoa học dữ liệu, Công nghệ thông tin, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Công nghệ vật liệu, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Thiết kế vi mạch, Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Kỹ thuật hạt nhân, Vật lý y khoa, Kỹ thuật địa chất.

- Trường quan tâm các nhóm ngành Máy tính và công nghệ thông tin, ngành Trí tuệ nhân tạo, Toán học, Công nghệ sinh học, Khoa học vật liệu, Hóa học, Vật lý, Công nghệ bán dẫn, Thiết kế vi mạch theo chú trương phát triển của Nhà nước.

***5.2. Về đối tượng theo học ngành STEM***

a) Số lượng sinh viên theo học các ngành STEM tại trường:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên ngành** | **Quy mô** |
| 1 | Khoa học máy tính | 425 |
| 2 | Trí tuệ nhân tạo | 175 |
| 3 | Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin (ngành Công nghệ thông tin; ngành Kỹ thuật phần mềm; ngành Hệ thống thông tin; ngành Khoa học máy tính) | 4103 |
| 4 | Sinh học | 1122 |
| 5 | Công nghệ sinh học | 1475 |
| 6 | Nhóm ngành Vật lý học, Công nghệ Vật lý điện tử và tin học, Công nghệ bán dẫn | 1057 |
| 7 | Hoá học | 1670 |
| 8 | Khoa học vật liệu | 566 |
| 9 | Địa chất học | 108 |
| 10 | Hải dương học | 135 |
| 11 | Khoa học môi trường | 561 |
| 12 | Nhóm ngành Toán học, Toán Ứng dụng, Toán tin | 1179 |
| 13 | Khoa học dữ liệu | 393 |
| 14 | Công nghệ kỹ thuật hóa học | 607 |
| 15 | Công nghệ vật liệu | 320 |
| 16 | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 378 |
| 17 | Thiết kế vi mạch | 64 |
| 18 | Kỹ thuật điện tử - viễn thông | 1558 |
| 19 | Kỹ thuật hạt nhân | 183 |
| 20 | Vật lý y khoa | 228 |
| 21 | Kỹ thuật địa chất | 50 |

b) Phương thức xét tuyển:

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT về việc ban hành quy chế tuyển sinh đại học chính quy ngày 6/6/2022 của Bộ GD&ĐT.

- Phương thức 2: Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của ĐHQG-HCM; Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM.

- Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

- Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức.

- Phương thức 5: Xét tuyển dựa trên kết quả các kỳ thi quốc tế (dành cho thí sinh tốt nghiệp THPT theo chương trình nước ngoài).

- Phương thức 6: Xét tuyển dựa trên kết quả các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế kết hợp với kết quả học tập THPT đối với xét tuyển vào chương trình tăng cường tiếng Anh, chương trình tiên tiến.

c) Trường quan tâm các ngành thuộc nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin, Trí tuệ nhân tạo, Toán học, Công nghệ sinh học, Khoa học vật liệu, Hóa học, Vật lý, Công nghệ bán dẫn, Thiết kế vi mạch theo chú trương phát triển của Nhà nước. Ngoài ra còn SV nhóm 7 ngành khó tuyển (Vật lý học, Hải dương học, Kỹ thuật Hạt nhân, Địa chất học, Kỹ thuật Địa chất, Khoa học Môi trường, Công nghệ Kỹ thuật Môi trường).

d) Các chương trình ưu đãi đối với ngành STEM sẽ góp phần khuyến khích và thu hút nhiều sinh viên lựa chọn theo học các ngành STEM.

đ) Theo khảo sát việc làm sau 1 năm tốt nghiệp thì tỉ lệ trung bình có việc làm của sinh viên ngành STEM tại trường là: 92.43%.

e) Sinh viên ngành STEM khi ra trường có mức thu nhập khởi điểm trung bình:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã ngành** | **Tên ngành** | **Mức lương trung bình hàng tháng (Vnđ)** |
| 1 | 7510401 | Công nghệ kỹ thuật hoá học | 10.450.000 |
| 2 | 7510406 | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 10.440.000 |
| 3 | 7420201 | Công nghệ sinh học | 10.150.000 |
| 4 | 7480201 | Công nghệ thông tin | 18.810.000 |
| 5 | 7440201 | Địa chất học | 12.140.000 |
| 6 | 7440228 | Hải dương học | 10.100.000 |
| 7 | 7480104 | Hệ thống thông tin | 14.530.000 |
| 8 | 7440112 | Hoá học | 11.330.000 |
| 9 | 7480101 | Khoa học máy tính | 19.240.000 |
| 10 | 7440301 | Khoa học môi trường | 9.240.000 |
| 11 | 7440122 | Khoa học vật liệu | 9.910.000 |
| 12 | 7520207 | Kỹ thuật điện tử - viễn thông | 14.450.000 |
| 13 | 7520402 | Kỹ thuật hạt nhân | 8.830.000 |
| 14 | 7480103 | Kỹ thuật phần mềm | 17.170.000 |
| 15 | 7420101 | Sinh học | 10.100.000 |
| 16 | 7460101 | Toán học | 12.130.000 |
| 17 | 7440102 | Vật lý học | 13.840.000 |

***5.3. Về học phí***

- Học phí theo từng ngành:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên ngành** | **Khối ngành** | **Dự kiến học phí Khóa tuyển 2024** | | | |
| **2024-2025** | **2025-2026** | **2026-2027** | **2027-2028** |
| **(Năm 1)** | **(Năm 2)** | **(Năm 3)** | **(Năm 4)** |
| 1 | Sinh học | IV | 30,400,000 | 34,200,000 | 38,600,000 | 43,400,000 |
| 2 | Sinh học (CT tăng cường tiếng Anh) | IV | 46,000,000 | 50,800,000 | 54,600,000 | 58,900,000 |
| 3 | Công nghệ Sinh học | IV | 30,400,000 | 34,200,000 | 38,600,000 | 43,400,000 |
| 4 | Công nghệ Sinh học (CT tăng cường tiếng Anh) | IV | 46,000,000 | 50,800,000 | 54,600,000 | 58,900,000 |
| 5 | Vật lý học | IV | 24,700,000 | 28,400,000 | 32,600,000 | 37,400,000 |
| 6 | Công nghệ vật lý điện tử và tin học | IV | 30,400,000 | 34,200,000 | 38,600,000 | 43,400,000 |
| 7 | Công nghệ bán dẫn | IV | 30,400,000 | 34,200,000 | 38,600,000 | 43,400,000 |
| 8 | Vật lý học (CT tăng cường tiếng Anh) | IV | 40,000,000 | 46,000,000 | 50,800,000 | 54,600,000 |
| 9 | Hoá học | IV | 30,400,000 | 34,200,000 | 38,600,000 | 43,400,000 |
| 10 | Hóa học (CT tăng cường tiếng Anh) | IV | 50,800,000 | 54,600,000 | 58,900,000 | 63,600,000 |
| 11 | Khoa học Vật liệu | IV | 30,400,000 | 34,200,000 | 38,600,000 | 43,400,000 |
| 12 | Khoa học Vật liệu (CT tăng cường tiếng Anh) | IV | 46,000,000 | 50,800,000 | 54,600,000 | 58,900,000 |
| 13 | Địa chấ học | IV | 24,700,000 | 28,400,000 | 32,600,000 | 37,400,000 |
| 14 | Kinh tế đất đai (dự kiến) | IV | 30,400,000 | 34,200,000 | 38,600,000 | 43,400,000 |
| 15 | Hải dương học | IV | 24,700,000 | 28,400,000 | 32,600,000 | 37,400,000 |
| 16 | Khoa học Môi trường | IV | 24,700,000 | 28,400,000 | 32,600,000 | 37,400,000 |
| 17 | Khoa học Môi trường (CT tăng cường tiếng Anh) | IV | 46,000,000 | 50,800,000 | 54,600,000 | 59,000,000 |
| 18 | Toán học | V | 31,000,000 | 35,500,000 | 40,500,000 | 45,500,000 |
| 19 | Toán ứng dụng | V | 31,000,000 | 35,500,000 | 40,500,000 | 45,500,000 |
| 20 | Toán tin | V | 31,000,000 | 35,500,000 | 40,500,000 | 45,500,000 |
| 21 | Khoa học Dữ liệu | V | 31,000,000 | 35,500,000 | 40,500,000 | 45,500,000 |
| 22 | Khoa học máy tính (CT Tiên tiến) | V | 59,600,000 | 67,000,000 | 75,300,000 | 82,830,000 |
| 23 | Công nghệ thông tin (CT tăng cường tiếng Anh) | V | 44,800,000 | 50,000,000 | 54,600,000 | 59,000,000 |
| 24 | Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin (ngành Công nghệ thông tin; ngành Kỹ thuật phần mềm; ngành Hệ thống thông tin; ngành Khoa học máy tính) | V | 31,000,000 | 35,500,000 | 40,500,000 | 45,500,000 |
| 25 | Trí tuệ nhân tạo | V | 31,000,000 | 35,500,000 | 40,500,000 | 45,500,000 |
| 26 | Công nghệ kỹ thuật Hoá học (CT tăng cường tiếng Anh) | V | 51,800,000 | 55,400,000 | 59,800,000 | 64,600,000 |
| 27 | Công nghệ Vật liệu | V | 31,000,000 | 35,500,000 | 40,500,000 | 45,500,000 |
| 28 | Công nghệ Kỹ thuật Môi trường | V | 24,700,000 | 28,400,000 | 32,600,000 | 37,400,000 |
| 29 | Kỹ thuật điện tử - viễn thông | V | 31,000,000 | 35,500,000 | 40,500,000 | 45,500,000 |
| 30 | Thiết kế vi mạch | V | 31,000,000 | 35,500,000 | 40,500,000 | 45,500,000 |
| 31 | Kỹ thuật điện tử - viễn thông (CT tăng cường tiếng Anh) | V | 40,600,000 | 44,600,000 | 49,000,000 | 53,900,000 |
| 32 | Kỹ thuật hạt nhân | V | 24,700,000 | 28,400,000 | 32,600,000 | 37,400,000 |
| 33 | Vật lý Y khoa | V | 28,000,000 | 32,200,000 | 37,000,000 | 41,600,000 |
| 34 | Kỹ thuật Địa chất | V | 24,700,000 | 28,400,000 | 32,600,000 | 37,400,000 |
| 35 | Quản lý tài nguyên và môi trường | VII | 24,700,000 | 28,400,000 | 32,600,000 | 37,400,000 |
| 36 | Công nghệ giáo dục (dự kiến) | I | 28,200,000 | 31,800,000 | 35,800,000 | 40,200,000 |

- Hiện Trường đang triển khai các loại học bổng sau:

+ Học bổng đầu vào: học bổng 7 ngành khó tuyển, học bổng cho sinh viên đạt thành tích xuất sắc đầu vào tuyển sinh, học bổng tân sinh viên các Khoa;

+ Học bổng khó khăn;

+ Học bổng đột xuất;

+ Học bổng tài trợ.

***5.4. Về sinh hoạt phí***

- Chi phí sinh hoạt của sinh viên tại khu vực trường học(\*) trong 5 năm qua (ước tính, ĐVT: VNĐ):

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm 2021** | **Năm 2022** | **Năm 2023** | **Năm 2024** | **Năm 2025** |
| SV lưu trú KTX | 5.300.000 | 5.900.000 | 6.500.000 | 7.100.000 | 7.800.000 |
| SV ngoại trú (ngoại tỉnh) | 6.150.000 | 6.750.000 | 7.400.000 | 8.200.000 | 9.000.000 |

- Chi phí sinh hoạt của sinh viên tại khu vực trường học dự kiến trong 5 năm tới (ước tính, ĐVT: VNĐ):

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm 2026** | **Năm 2027** | **Năm 2028** | **Năm 2029** | **Năm 2030** |
| SV lưu trú KTX | 8.600.000 | 9.450.000 | 10.400.000 | 11.400.000 | 12.500.000 |
| SV ngoại trú (ngoại tỉnh) | 9.900.000 | 10.890.000 | 11.980.000 | 13.200.000 | 14.500.000 |

(\*) Bao gồm: Chi phí ở, ăn uống, đi lại, y tế, bảo hiểm và chi phí phát sinh khác.

- Sinh viên chi trả các chi phí sinh hoạt hàng tháng: Từ gia đình sinh viên; Từ thu nhập sinh viên làm thêm; Sinh viên thuộc các đối tượng miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội hàng tháng, chính sách dành cho sinh viên dân tộc thiểu số, chính sách sinh viên khuyết tật; Học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ,…

- Sinh viên lưu trú KTX sẽ được giảm chi phí hơn so với sinh viên ngoại trú (sinh viên đến từ các tỉnh thành ngoài TP. Hồ Chí Minh). Số lượng sinh viên lưu trú tại KTX ĐHQG-HCM năm học 2024-2025: 3991 sinh viên. Số lượng sinh viên lưu trú/chỗ ở đáp ứng cho sinh viên tại KTX Trường (135B Trần Hưng Đạo): 332/660 chỗ ở.

***5.5. Kiến nghị liên quan đến chính sách tín dụng đối với HSSV học các ngành STEM***

- Từ góc độ nhà trường: Nếu chính sách này được triển khai tốt, nhà trường có thể thu hút thêm sinh viên vào các ngành STEM, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu. Các chương trình học STEM thường có học phí cao hơn do có nhiều môn học thực hành trong phòng thí nghiệm, sử dụng trang thiết bị hiện đại, thực tập thực tế, tài liệu nghiên cứu, học thêm ngoại ngữ... SV theo học có thể gặp khó khăn về tài chính, vì vậy hỗ trợ tín dụng sẽ giúp giảm bớt áp lực này.

- Từ góc độ sinh viên: Chính sách tín dụng ưu đãi có thể giúp giảm bớt gánh nặng tài chính, giúp sinh viên an tâm học tập. Nếu đi kèm với điều kiện thuận lợi như lãi suất thấp, thời gian trả nợ sau khi tốt nghiệp dài hơn, thì chắc chắn sẽ thu hút nhiều SV hơn. Một số sinh viên có thể cân nhắc chọn STEM thay vì các ngành khác nếu có hỗ trợ tài chính tốt hơn.

- Trường có ý kiến đề nghị mức vốn cho vay nên căn cứ theo mức học phí phải đóng của HSSV cộng thêm một khoản tiền sinh hoạt phí. Đối với lãi suất, trường kiến nghị nên xem xét giảm lãi suất cho HSSV.

**6. Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh (HUTECH)**

***6.1. Về ngành học STEM***

- Trường đang đào tạo 17 ngành học STEM:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã ngành** | **Tên ngành** |
|  | 7480202 | An toàn thông tin |
|  | 7510205 | Công nghệ kỹ thuật ô tô |
|  | 7520141 | Công nghệ ô tô điện |
|  | 7420201 | Công nghệ sinh học |
|  | 7480201 | Công nghệ thông tin |
|  | 7520114 | Kỹ thuật cơ điện tử |
|  | 7520103 | Kỹ thuật cơ khí |
|  | 7520201 | Kỹ thuật điện |
|  | 7520207 | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |
|  | 7520216 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá |
|  | 7480106 | Kỹ thuật máy tính |
|  | 7520320 | Kỹ thuật môi trường |
|  | 7580201 | Kỹ thuật xây dựng |
|  | 7460108 | Khoa học dữ liệu |
|  | 7480101 | Khoa học máy tính |
|  | 7510209 | Robot và trí tuệ nhân tạo |
|  | 7480107 | Trí tuệ nhân tạo |

***6.2. Về đối tượng theo học ngành STEM***

a) Tổng số sinh viên ngành STEM 5 năm vừa qua:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng SV ngành STEM** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** | **2023-2024** | **2024-2025** |
| **TỔNG CỘNG** | **7.632** | **6.461** | **7.395** | **9.057** | **10.121** |

Tổng số sinh viên ngành STEM 5 năm tới:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng SV ngành STEM** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** | **2023-2024** | **2024-2025** |
| **TỔNG CỘNG** | **10.629** | **10.992** | **11.252** | **11.437** | **11.569** |

b) Điều kiện tuyển sinh: Đáp ứng các điều kiện trúng tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và đáp ứng mức điểm chuẩn quy định của Trường.

c) Những nhóm sinh viên cần được ưu tiên, hỗ trợ để theo học ngành STEM bao gồm:

- Sinh viên thuộc nhóm dân tộc thiểu số và vùng sâu, vùng xa: vì Thiếu cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng cao; Hạn chế về cơ sở vật chất, thiết bị học tập, và tài liệu học; Ít được định hướng và khuyến khích theo đuổi các ngành học STEM.

- Sinh viên nữ: vì thường có sự chênh lệch giới tính trong các ngành STEM, đặc biệt là Kỹ thuật và Công nghệ.

d) Việc có một chương trình ưu đãi đối với ngành STEM sẽ khuyến khích sinh viên chọn học các ngành này nhiều hơn vì:

- Các chương trình ưu đãi như học bổng cam kết việc làm, chương trình thực tập trả lương, hoặc ưu đãi tuyển dụng sẽ thu hút sinh viên muốn có việc làm ổn định, lương cao sau khi ra trường.

- Các chính sách ưu đãi đối với sinh viên nữ hoặc sinh viên vùng sâu, vùng xa sẽ giúp họ có động lực theo đuổi các ngành STEM, thay vì bị ảnh hưởng bởi định kiến xã hội hoặc khó khăn địa lý.

đ)Mức thu nhập khởi điểm và tốc độ tăng trưởng thu nhập của sinh viên tốt nghiệp ngành STEM phụ thuộc vào nhiều yếu tố như chuyên ngành cụ thể, khu vực làm việc, trình độ cá nhân, và nhu cầu thị trường lao động. Mức lương khởi điểm trung bình của sinh viên mới ra trường thường dao động khoảng 10.000.000 đồng/tháng, tùy thuộc vào ngành nghề và khả năng của từng cá nhân.

***6.3. Về học phí***

- Mức học phí trung bình của các ngành STEM tại HUTECH là 1.4 triệu/tín chỉ.

- Trường có chính sách học bổng chung cho nhiều đối tượng sinh viên của tất cả các ngành đào tạo:

+ Học bổng tuyển sinh: giảm 25% học phí toàn khóa học. Đây là một trong những chính sách học bổng tuyển sinh đặc biệt của năm nay với giá trị vô cùng hấp dẫn nhằm tiếp thêm động lực để thí sinh cả nước chinh phục ước mơ đại học và theo đuổi thành công trong tương lai. Ngoài ra, Trường tiếp tục thực hiện các chính sách học bổng đa dạng và hấp dẫn trong năm 2025, bao gồm: Học bổng Tài năng (trị giá 50-75-100% học phí toàn khóa); Học bổng Tiếp sức (trị giá 50-75-100% học phí toàn khóa); Học bổng Giáo dục (trị giá 30% học phí toàn khóa); Học bổng Gia đình (trị giá 5% học phí toàn khóa);…

+ Học bổng dành cho Sinh viên đang học tại trường: học bổng tài năng, vượt khó, học bổng cán bộ Đoàn – Hội, học bổng Thắp sáng ước mơ,…

+ Ngoài ra, hàng năm, Nhà trường có kết nối với các Doanh nghiệp, Cựu sinh viên, Thầy Cô trao tặng các suất học bổng dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

 - Đối với việc đóng học phí, HUTECH thực hiện chính sách học phí minh bạch, công bố công khai trước khóa học và cam kết KHÔNG TĂNG trong toàn khóa, tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên yên tâm học tập, phát triển bản thân trong môi trường đào tạo chất lượng. Mỗi học kỳ, Nhà trường đều triển khai thông báo đăng ký môn học, thời gian đóng học phí sớm đến sinh viên/ phụ huynh chuẩn bị, trường hợp nào khó khăn, Nhà trường đều hỗ trợ giải quyết gia hạn thêm thời gian.

***6.4. Về sinh hoạt phí***

- Chi phí sinh hoạt trung bình hàng tháng của sinh viên tại khu vực trường như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại chi phí sinh hoạt cơ bản 1 tháng** | **Số tiền** |
| 1 | Chỗ ở: Nhà trọ, Ký túc xá, điện nước | 2.000.000 |
| 2 | Ăn uống | 3.000.000 |
| 3 | Nhu cầu vui chơi, giải trí, sinh nhật,.. | 500.000 |
| 4 | Dịch vụ: 4G, điện thoại, gửi xe, xăng xe… | 700.000 |
| 5 | Nhu yếu phẩm | 300.000 |
| **Tổng** | | **6.500.000** |

- Sinh viên chi trả các chi phí sinh hoạt hàng tháng từ gia đình là chủ yếu. Sinh viên đi làm thêm chỉ để trang trải tiền ăn, phụ thêm tiền trọ.

- Trường không có ký túc xá do Trường quản lý trực tiếp nhưng Trường có liên kết với Ký túc xá Đại học Quốc Gia TPHCM, Ký túc xá, Nhà trọ tư nhân và Khách sạn Công Đoàn Thanh Đa, với các mức phí trung bình hàng tháng như sau:

+ Ký túc xá Đại học Quốc Gia TPHCM (1000 – 1300 chỗ):

Phòng 8 người: 205.000 đồng/tháng/sinh viên.

Phòng 6 người: 275.000 đồng/tháng/sinh viên.

Phòng dịch vụ 4 người: 800.000 đồng/tháng/sinh viên.

Phòng dịch vụ 2 người: 1.995.000 đồng/tháng/sinh viên.

+ Khách sạn Công đoàn Thanh Đa là 1.900.000 – 2.200.000 đồng/tháng/sinh viên (tối đa được 03 người/ phòng). Thời gian được lưu trú là 09 tháng mỗi năm.

+ Ngoài ra, Trường liên kết với các chủ KTX tư nhân, phòng trọ tư nhân:

KTX tư nhân: 1.500.000 - 2.700.000 đồng/tháng/sinh viên/giường (Phòng từ 04 - 10 giường)

Phòng trọ tư nhân: 3.300.000 - 6.000.000 đồng/tháng (tối đa được 03 người/ phòng). Trung bình 1.100.000 – 2.000.000 đồng/tháng/sinh viên

***6.5. Kiến nghị liên quan đến chính sách tín dụng đối với HSSV học các ngành STEM***

- Trong bối cảnh các trường Đại học triển khai đào tạo đa ngành nghề thì việc có những chính sách ưu đãi, chính sách tín dụng riêng với HSSV học các ngành STEM là cần thiết. Với một chính sách tín dụng ưu đãi hợp lý cho HSSV học các ngành STEM thì đây chính là 1 lợi thế, thu hút HSSV đăng ký học các ngành STEM nhiều hơn.

- Trường có ý kiến đề nghị mức vốn cho vay nên căn cứ theo mức học phí phải đóng của HSSV cộng thêm một khoản tiền sinh hoạt phí. Đối với lãi suất, trường kiến nghị nên xem xét giảm lãi suất cho HSSV.

**II. ĐÁNH GIÁ CỦA ĐOÀN KHẢO SÁT**

**1. Về các ngành học STEM.**

- Các trường cung cấp thông tin về việc xây dựng hệ thống các ngành và mã ngành học STEM theo quy định liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cấp có thẩm quyền, trong đó bao gồm Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân và Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

- Về cơ bản, các ngành học STEM được các trường cung cấp thuộc hệ thống ngành về khoa học sự sống, khoa học tự nhiên, toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật. Tuy nhiên, một số trường có ngành học về công nghệ đặc thù không nằm trong các hệ thống ngành nêu trên nhưng cũng thuộc đối tượng được ưu tiên phát triển của Nhà nước, ví dụ như ngành công nghệ tài chính (fintech) thuộc hệ thống ngành kinh doanh và quản lý.

**2. Về đối tượng theo học ngành STEM.**

- Theo báo cáo của các trường đại học, số lượng HSSV học các ngành STEM trong giai đoạn 5 năm vừa qua có xu hướng tăng trưởng nhưng còn chậm, đặc biệt giai đoạn đại dịch Covid-19 (2021-2022) còn có dấu hiệu sụt giảm. Ví dụ, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh năm 2020 tuyển sinh 6.959 HSSV học ngành STEM, tuy nhiên năm 2021-2022 chỉ tuyển sinh khoảng gần 6.000 HSSV, đến nay thì cơ bản đã phục hồi về mức trước đại dịch. Tuy nhiên, theo đánh giá của các trường thì dự kiến số lượng HSSV học các ngành STEM sẽ tăng trưởng mạnh và đều đặn hơn trong giai đoạn 2026-2030, ít nhất trong khoảng từ 15% đến 20% mỗi năm.

- Chất lượng HSSV tuyển sinh đầu vào của các ngành STEM về cơ bản ở mức cao so với các ngành khác do đặc thù ngành STEM là các ngành khó học, vất vả, cần sự kiên trì lớn trong quá trình học. Các trường thực hiện tuyển sinh thông qua nhiều phương thức khác nhau như: xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GDĐT; xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT; xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do các trường lớn tổ chức (Đại học Quốc gia TP. Hà Nội, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Hà Nội). Trường Đại học VinUni với định hướng là đại học quốc tế thì có phương thức tuyển sinh toàn diện hơn, trong đó ngoài kết quả học tập còn xem xét đến các khía cạnh về hoạt động ngoại khóa, kỹ năng mềm, khát khao cống hiến...

Các trường có ý kiến để xác định đối tượng HSSV giỏi đầu vào thì hình thức mang tính bao trùm toàn bộ HSSV nhất là thông qua kết quả học bạ THPT của HSSV, có thể xem xét đánh giá thông qua chất lượng học tập năm cuối cấp của HSSV. Lý do vì dù các trường sử dụng hình thức tuyển sinh nào thì học sinh Việt Nam đều nộp kèm kết quả học tập THPT.

- Theo báo cáo của các trường thì thông thường khoảng 90% HSSV của trường có việc làm trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp và mức lương bình quân ban đầu khoảng 9-12 triệu đồng/tháng, cá biệt một số ngành nhu cầu tuyển dụng đang cao như công nghệ thông tin thì mức lương bình quân ban đầu có thể lên tới 12-20 triệu đồng/tháng tùy vào năng lực của HSSV tốt nghiệp.

- Các trường đều có ý kiến trường hợp có chính sách tín dụng riêng đối với HSSV học các ngành STEM thì sẽ có nhu cầu vay vốn do tỷ lệ HSSV ngoại tỉnh (đối với các trường ở TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh) học trong các ngành STEM rất cao, nhiều thành phần các em HSSV có hoàn cảnh khó khăn; kể cả các em HSSV có điều kiện gia đình khá cũng có nhu cầu vay vốn để hỗ trợ việc học do đặc thù các ngành STEM chi phí cao, có thể phát sinh thêm nhiều chi phí khác có liên quan (như mua máy móc, thiết bị cá nhân, phần mềm...), thời gian học dài, việc học nặng nề, cần tập trung học tập, khó đi làm thêm để trang trải chi phí.

**3. Về học phí.**

- Qua khảo sát, học phí các ngành STEM cơ bản trong khoảng từ 30-50 triệu đồng/năm. Cá biệt một số ngành STEM đào tạo tiên tiến hoặc hợp tác với các trường đại học nước ngoài thì có học phí cao hơn ở mức 50-70 triệu đồng/năm. Cơ bản các trường đại học đều có các chương trình học bổng để hỗ trợ HSSV (quỹ học bổng được trích tỷ lệ 8% mức thu học phí), tuy nhiên chưa đáp ứng được toàn bộ nhu cầu của HSSV.

- Trường Đại học VinUni là trường tư theo định hướng đại học quốc tế nên có học phí cao hơn, tuy nhiên thông qua nhiều hình thức học bổng, hỗ trợ tài chính... thì thông thường học phí HSSV phải trả là khoảng 200-300 triệu đồng/năm. Trường Đại học VinUni có ý kiến mặc dù mức học phí cao nhưng cũng có nhu cầu HSSV muốn vay vốn để chi trả chi phí học tập nếu có chương trình tín dụng ưu đãi; lý do vì trường có môi trường quốc tế và khả năng tiếp cận việc làm tại tập đoàn quốc tế với mức lương cao, nên vẫn có nhiều HSSV sẵn sàng vay vốn để hỗ trợ tài chính cho quá trình học tập.

**4. Về sinh hoạt phí.**

Các trường cho biết kết quả khảo sát cho thấy các chi phí sinh hoạt cơ bản của HSSV trong khoảng 3-5 triệu đồng/tháng... Trường hợp HSSV sống trong kí túc xá thì có thể giảm chi phí sinh hoạt xuống (do chi phí kí túc xá trung bình khoảng 500 nghìn/tháng); tuy nhiên các trường cho biết chỗ ở kí túc xá thường không đáp ứng được đủ nhu cầu của HSSV.

**5. Một số kiến nghị của các trường đối với chính sách tín dụng đối với HSSV học các ngành STEM.**

- Về đối tượng cho vay: Các trường có ý kiến đề nghị mở rộng đối tượng cho vay đối với toàn bộ HSSV học các ngành STEM là phù hợp, qua đó thu hút thêm HSSV học các ngành này; tuy nhiên cần cân nhắc quy định để thu hút được người giỏi.

- Về điều kiện vay: Các trường có ý kiến đề nghị cần cân nhắc kỹ về điều kiện, nếu quy định điều kiện HSSV đạt kết quả học tập loại giỏi thì sẽ rất khó có HSSV đáp ứng được điều kiện vì đặc thù các ngành học STEM là các ngành khó nên tỷ lệ HSSV đạt kết quả loại giỏi hằng năm là rất thấp, chủ yếu HSSV đạt kết quả loại khá đã đáp ứng tốt chất lượng học tập của trường. Đối với học viên thạc sĩ và nghiên cứu sinh tiếp tục quan tâm theo học ngành STEM thì cơ bản những người học này đã tốt nghiệp đại học, là những sinh viên khá, giỏi và đam mê cống hiến cho lĩnh vực khoa học, đổi mới sáng tạo.

- Về mức cho vay: Các trường có ý kiến nên quy định chung mức vay theo học phí (ví dụ 100% học phí hoặc 70-80% học phí), vì học phí dự kiến thay đổi đều hằng năm, đặc biệt trong bối cảnh các trường tự chủ tài chính và đầu tư nhiều để mở các ngành học công nghệ then chốt (nhiều loại máy móc, mô hình phục vụ học tập mua về tốn hàng triệu USD) thì học phí dự kiến sẽ càng tăng; do đó nếu quy định mức vay cố định thì sẽ nhanh chóng không còn phù hợp. Bên cạnh đó cần cho vay thêm một khoản tiền để HSSV chi trả sinh hoạt phí hằng tháng thì HSSV mới yên tâm học tập, đặc biệt HSSV học các ngành STEM học khá nặng, không có thời gian làm thêm.

- Về tài sản bảo đảm: Các trường có ý kiến nên cho vay không cần bảo đảm tiền vay như chương trình tín dụng đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn. Tại các buổi làm việc, Đoàn khảo sát cũng trao đổi với các trường theo hướng dự kiến chính sách sẽ không yêu cầu bảo đảm tiền vay đối với mức vốn vay cao hơn hẳn so với chương trình tín dụng đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn; trường hợp các mức vốn vay rất cao (đối với các trường quốc tế) thì để kiểm soát rủi ro, cần phải thực hiện bảo đảm tiền vay. Ngay cả khi áp dụng cơ chế như vậy cũng sẽ ưu đãi hơn so với chương trình tín dụng đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn hiện nay.

- Về lãi suất: Các trường có ý kiến mức lãi suất theo chương trình tín dụng đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn hiện nay là cao; do đó các trường mong muốn giảm lãi suất cho HSSV; Đại học Bách Khoa Hà Nội có ý kiến đề xuất cụ thể giảm lãi suất xuống 3%/năm.

- Về thủ tục vay vốn: Đại học Bách Khoa Hà Nội có ý kiến cụ thể cho rằng thủ tục vay vốn đối với HSSV hiện nay còn cần nhiều bước (ví dụ cần xin xác nhận của UBND xã, xác nhận của nhà trường…), do đó đề nghị giảm bớt thủ tục cho HSSV. Đoàn khảo sát cũng có ý kiến trao đổi lại theo hướng tại văn bản quy định về chính sách tín dụng đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn không quy định chi tiết về thủ tục vay vốn mà do NHCSXH hướng dẫn thực hiện và đề nghị đại diện NHCSXH tham gia Đoàn khảo sát có ý kiến báo cáo Lãnh đạo NHCSXH xem xét đơn giản hóa thủ tục vay vốn cho khách hàng.

Trên đây là báo cáo kết quả khảo sát phục vụ xây dựng chính sách tín dụng đối với HSSV học các ngành STEM tại một số trường đại học tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh./.